

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ AN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Séc lết - Tù do - H¹nh phóc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 -7-2024

Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Bằng.

2. Bà Mạc Thị Thuý.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Biên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vương Thị S; Sinh năm 1972; (Có mặt)

Bị đơn: Ông La Dương T; Sinh năm 1969; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm C, xã Q, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2024 và lời trình bày của nguyên đơn bà Vương Thị S có tại hồ sơ, thể hiện: Bà và ông T kết hôn vào ngày 07 tháng 10 năm 1990, trước khi kết hôn không được tìm hiểu do gia đình mai mối cho, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống tại xóm C, xã Q, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không mấy hạnh phúc, ông T thường xuyên bê tha, rượu chè, nên đến năm 1998 bà bị ông T đánh đập sau đó được mẹ chồng can ngăn. Sự việc mâu thuẫn kéo dài, đến năm 2021 ông T có hành vi đập phá đồ đạc của gia đình, cụ thể là chiếc xe máy, sau đó bà và các con đã tự sửa lại chiếc xe. Ngoài đập phá đồ đạc tài sản của gia đình, ông T còn có hành vi đánh đập, đe dọa bà, do quá sợ nên bà đã bỏ đi từ năm 2021 và cũng ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà S làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là La Văn T1, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1992 và La Thị C, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1996. Hiện nay các con đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên bà Sùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời trình bày của bị đơn La Dương T tại phiên tòa:

Về quá thời gian và điều kiện kết hôn, về con chung đúng như bà Vương Thị S đã trình bày với Tòa án.

Về quá trình chung sống: Thời gian đầu giữa hai vợ chồng hạnh phúc, từ khoảng năm 2021 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do trong cuộc sống vợ chồng có bất đồng quan điểm về việc gia đình, ông cũng thừa nhận mình đã có hành vi đập phá tài sản của gia đình là chiếc xe máy và đã bị Công an xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, bà S đã bỏ nhà đi từ năm 2021 cho đến thời điểm hiện tại, nay bà S yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, vì trong quá trình mâu thuẫn vợ chồng bà S tự ý bỏ đi, ông không được đuổi. Nay, ông không nhất trí ly hôn và mong muốn bà S quay lại để chung sống, chăm sóc nhau lúc tuổi già.

Về tài sản chung: Ông T thừa nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu kê khai, hiện nay ông là người quản lý và sử dụng. Nếu trường hợp phải ly hôn tài sản chung sẽ để ông và các con quản lý, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông T. Bị đơn ông T có ý kiến không nhất trí ly hôn, còn con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn thì nhất trí theo yêu cầu của bà S.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà S là người nộp đơn khởi kiện, vì vậy bà S sẽ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn và nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về yêu cầu và ý kiến của đương sự:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà Vương Thị S và ông La Dương T kết hôn dựa trên cơ sở mai mối, giới thiệu của hai bên gia đình và đi đến kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng vào ngày 07 tháng 10 năm 1990. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông T là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Bà S khai quá trình chung sống vợ chồng không mấy hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày do ông T thường xuyên bê tha, rượu chè, những lần say rượu khi bức tức có hành vi đánh đập, đe dọa bà và con. Sự việc này thường xuyên xảy ra, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào năm 2021 ông T uống rượu say và có hành vi đập phá tài sản của gia đình cụ thể là chiếc xe máy, lần 1 gia đình tự sửa, lần 2 tiếp tục đập phá làm hỏng chiếc máy, hành vi này đã bị Công an huyện Hoà An xử phạt vi phạm hành chính. Sự việc này bà đã khuyên can nhưng ông T không nghe, chính vì lý do này bà đã bỏ nhà đi từ năm 2021 và sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay, bà xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn được nên có yêu cầu được ly hôn với ông T.

Phía bị đơn ông T không nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà S. Ông xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng không đồng nhất quan điểm sống cụ thể: Trong thời gian bà S còn công tác ở Ủy ban xã Q, huyện Hoà An bà thường đi sớm về muộn, sau khi không tham gia công tác bà S vẫn không thay đổi, mặc dù ông đã nhắc nhở, do đó dẫn đến tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông không được chửi, đe dọa, không được đuổi bà S mà tự ý bỏ đi. Từ lý do này ông đã bức tức có hành vi đập phá xe máy của gia đình, sự việc này đã bị Công an huyện Hoà An xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (ông đã chấp hành xong). Nay, bà S có yêu cầu xin ly hôn ông không nhất trí, ông yêu cầu bà S về đoàn tụ vợ chồng.

Qua xác minh tại địa phương, tại biên bản xác minh với Công an viên xóm C, xã Q, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng và ông La Văn T1 (con đẻ của bà S và ông T) ngày 24 tháng 6 năm 2024 đều xác nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Sự việc ông T đe dọa, đập phá xe máy là đúng và chính quyền địa phương và Công an huyện Hoà An đã được giải quyết.

Xét tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được phía ông T không nhất trí ly hôn. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm về cách cư xử trong gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, ông T đã bức tức, không kiềm chế được bản thân và ông T có hành vi đe dọa, đập phá tài sản xe máy. Từ nguyên nhân này, bà S đã bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Tại phiên toà, ông yêu cầu bà S quay về đoàn tụ để vợ chồng chăm sóc nhau lúc tuổi già, vì hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng. Tuy nhiên, ông cũng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn trên. Xét thấy, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục được nữa, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ 2021 cho đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Từ những phân tích trên yêu cầu của ông T không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên toà, bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà S và ông T thừa nhận vợ chồng có hai con chung là La Văn T1, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1992 và La Thị C, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1996. Xét thấy hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Bà S có ý kiến, khi ly hôn bà không yêu cầu chia tài sản chung, phía ông T có ý kiến nếu trường hợp phải ly hôn bà Sùng không được chia tài sản chung. Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Xét về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát phát biểu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vương Thị S được ly hôn với ông La Dương T.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là La Văn T1, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1992 và La Thị C, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1996. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung vợ chồng: Có nhưng hai bên tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về nợ chung vợ chồng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vương Thị S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001415 ngày 31/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà S đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dong

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vương Thị Sùng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Vương Thị Sùng được ly hôn với ông La Dương Thành.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là La Văn Trọng, sinh ngày 13 tháng 10 năm 1992 và La Thị Công, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1996. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung vợ chồng: Có nhưng hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về nợ chung vợ chồng: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vương Thị Sùng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001415 ngày 31/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà Sùng đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Thuý – Hoàng Thị Bằng

Nguyễn Thị Dong